

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 07 tháng 7 năm 2022

**Đ**  
**Ê**  
**N**  
UBND TỈNH TRÀ VINH  
Số 9757 ngày 11/7/22  
Chuyên: CN, LPUB, LAMP,  
TH, KT

**NGHỊ QUYẾT**

Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn  
nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**  
**KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách  
nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Trên cơ sở Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ  
vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Nghị  
quyết số 30/NQ-HĐND ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
về thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -  
2025; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng  
nhân dân tỉnh về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025  
và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Xét Tờ trình số 2594/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn  
nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế  
- Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh  
giai đoạn 2021 - 2025, với nội dung cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: điều chỉnh (giảm/tăng) là  
274.557 triệu đồng (Hai trăm bảy mươi bốn tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu  
đồng), trong đó:

- Điều chỉnh giảm 274.557 triệu đồng của 07 dự án và vốn chưa phân bổ  
chi tiết Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ

trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Điều chỉnh tăng 274.557 triệu đồng, bố trí cho 16 dự án.

2. Nguồn vốn sử dụng đất: điều chỉnh (giảm/tăng) là 15.000 triệu đồng (Mười lăm tỷ đồng), trong đó:

- Điều chỉnh giảm 15.000 triệu đồng của 01 dự án.

- Điều chỉnh tăng 15.000 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án.

3. Nguồn vốn xô số kiến thiết: điều chỉnh (giảm/tăng) là 300.351 triệu đồng (Ba trăm tỷ, ba trăm năm mươi một triệu đồng), trong đó:

- Điều chỉnh giảm 300.351 triệu đồng của 21 dự án và vốn dự phòng trong kế hoạch trung hạn.

- Điều chỉnh tăng 300.351 triệu đồng, bố trí cho 16 dự án, các công trình có quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành và hỗ trợ có mục tiêu cho UBND cấp huyện đầu tư cơ sở hạ tầng đạt các tiêu chí đô thị.

4. Nguồn vốn kết dư ngân sách tỉnh năm 2021: điều chỉnh (giảm/tăng) là 19.250 triệu đồng (Mười chín tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng), trong đó:

- Điều chỉnh giảm 19.250 triệu đồng của phần vốn còn lại chưa giao chi tiết thuộc kế hoạch trung hạn hỗ trợ thực hiện các chính sách ưu đãi, đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Điều chỉnh tăng 19.250 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án.

(Đính kèm Phụ lục chi tiết)

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022./. *KW*

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- Ban Công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: KH và ĐT, TC, KBNN,  
Cục thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Ngày quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú	
					Quyết định dự án đầu tư	TMDT	Trong đó: NST			Giảm	Tăng
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ				7.610.803	4.495.481	1.983.150	1.983.150	609.158	609.158	
Mục I	NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				3.350.956	2.117.094	390.500	390.500	274.557	274.557	
	TỈNH QUẢN LÝ				3.350.956	2.117.094	390.500	390.500	274.557	274.557	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN				3.350.956	2.117.094	390.500	390.500	274.557	274.557	
1)	Quốc phòng - An ninh và trật tự, an toàn xã hội				11.577	11.577	-	9.500	-	9.500	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				11.577	11.577	-	9.500	-	9.500	
	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025				11.577	11.577	-	9.500	-	9.500	
	Bến tạm giữ phương tiện vi phạm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa và kho vật chứng trên sông thuộc Công an tỉnh Trà Vinh	Cảng Long	cấp III	2023-2025	11.577	11.577		9.500		9.500	
2)	Phát thanh, truyền hình, thông tấn				45.000	45.000	40.000	42.000	-	2.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				45.000	45.000	40.000	42.000	-	2.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025				45.000	45.000	40.000	42.000	-	2.000	
	Năng cấp, bổ sung trang thiết bị, phương tiện cho Đài Phát thanh và Truyền hình và Truyền thanh cơ sở	Đài PT&TH Trà Vinh	TTB	2021-2023	45.000	45.000	40.000	42.000	-	2.000	Dự kiến tháng 6/2022 nghiệm thu hoàn thành; bổ sung vốn để thanh toán dự án hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chi chủ	
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT			Giảm	Tăng
					Trong đó: NST						
1	2	3	4	5	8	7	9	10	11	12	13
3)	Bảo vệ môi trường				11.982	64.644	3.000	2.500	500	-	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025				11.982	64.644	3.000	2.500	500	-	
	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Toàn tỉnh	Xây dựng hệ thống thông tin đất đai	2017-2022	11.982	64.644	3.000	2.500	500		Theo giá trị thực tế hoàn thành, không khả năng sử dụng hết vốn được giao
4)	Các hoạt động kinh tế				2.010.111	3.191.311	306.500	293.750	248.557	235.807	
4.1	Nông nghiệp				81.200	470.000	-	71.700	-	71.700	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				81.200	470.000	-	71.700	-	71.700	
	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025				81.200	470.000	-	71.700	-	71.700	
1	Kè phía Đông kênh Chợ Mới, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú.	thị trấn Trà Cú	công trình cấp IV	2021-2024	8.000	80.000	-	3.500	-	3.500	Đổi ứng vốn NSTW để thành toán khối lượng hoàn thành dự án
2	Dự án Hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản Dân Thành, Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải	thị xã Duyên Hải	Hạ tầng thủy lợi	2022-2025	18.200	230.000	-	18.200	-	18.200	Đổi ứng GPMB dự án do Bộ NN&PTNT đầu tư trên địa bàn tỉnh (CV 119-BQL ngày 19/3/2022)
3	Đầu tư các dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, kè biển trên địa bàn các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải	TX Duyên Hải	2.500 m	2020-2023	55.000	160.000	-	50.000	-	50.000	Đổi ứng vốn NSTW thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH (Đầu tư trước giai đoạn 01 khoảng 160 tỷ đồng; phần còn lại sau khi xác định được nguồn vốn sẽ tiếp tục triển khai thực hiện)
4.2	Giao thông				150.201	241.701	54.500	119.050	3.557	68.107	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HIT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú		
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT Trong đó: NST			Giảm	Tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</i>					52.997	52.997	23.000	20.435	2.565	-	
1	Đường giao thông nối liền xã Tân Hùng đến xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần (giai đoạn 3)	Tiểu Cần	Cấp VI ĐB	2019-2021	759/QĐ-UBND 06/5/2019	27.997	27.997	12.000	11.200	800		Hoàn thành và hết nhiệm vụ chi; đề xuất cắt giảm KHTH chuyển sang các dự án khác
2	Hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Kim Hòa - Vĩnh Kim, huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	Hạ tầng thủy lợi, điện, GTNT	2020 - 2022	2317/QĐ-UBND 31/10/2019	25.000	25.000	11.000	9.235	1.765		Hoàn thành và hết nhiệm vụ chi; đề xuất cắt giảm KHTH chuyển sang các dự án khác
(2)	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>					188.704	97.204	31.500	98.615	992	68.107	
	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025					188.704	97.204	31.500	98.615	992	68.107	
1	Đường nhựa từ 19-5 đến Quốc Lộ 53, thị xã Duyên Hải	thị xã Duyên Hải	Đường đô thị	2021-2023	3849/QĐ-UBND 01/12/2020	14.252	14.252	12.500	11.508	992		Cắt giảm quy mô và kết thúc dự án do vướng GPMB 01 đoạn không thể triển khai
2	Đường giao thông liên xã Nhị Trường - Trường Thọ, huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	Đường GTNT	2021-2023	3814/QĐ-UBND 30/11/2020	22.000	22.000	19.000	20.500		1.500	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng thực tế hoàn thành dự án. Sau phê duyệt QHTH nếu có như cấu sẽ bổ tri vốn QHTH hàng năm thanh toán
3	Xây dựng Đường huyện 13 kéo dài từ giáp Đường huyện 09, xã Tập Ngãi đến giáp tuyến tránh Quốc lộ 60, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	Cấp V	2021-2024	3762/QĐ-UBND 25/11/2020	101.400	9.900		20.000		20.000	Đổi ứng vốn NSTW (KHTH dự án được bổ tri vốn NSTW là 91,5 tỷ đồng nhưng do phát sinh chi phí BTGPMB và đơm giá mới làm tăng tổng mức đầu tư khoảng 122 tỷ đồng)
4	Xây dựng cầu Bung Lớn, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè	Cầu Kè	BTCT	2023-2025		36.752	36.752		33.607		33.607	Theo Thông báo số 686-TB/VPTU ngày 19/11/2021 của Văn phòng Tỉnh ủy và Công văn số 2207/UBND ngày 30/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh

KW

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chi chú		
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBĐT			Giảm	Tăng	
					Trong đó: NST							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Đường vào cụm công nghiệp An Phú Tân	Cầu Kè	Đường cấp III; Chiều dài 300m, chiều rộng mặt đường 24m; BT GPMB	2022-2024		14.300	14.300		13.000		13.000	Đối ứng đường vào Cụm công nghiệp với Nhà đầu tư
4.3	Khu kinh tế, Khu công nghiệp					2.431.734	1.730.834	244.000	60.000	244.000	60.000	
(1)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025					568.234	67.334	-	60.000	-	60.000	
	Dự án Tuyến số 05 (đoạn từ tỉnh lộ 914 đến nút N29, đoạn từ nút N29 đến cầu C16 và từ cầu C16 đến kênh đào Trà Vinh) Khu kinh tế Định An (giai đoạn 1)	KKT Định An	Chiều dài 8,6km	2019-2023	1847/QĐ-UBND 17/9/2018; 415/QĐ-UBND 21/02/2022	568.234	67.334		60.000		60.000	Đối ứng vốn NSTW (NSTW bố trí cho dự án là 500,9 tỷ đồng; ước khối lượng hoàn thành dự án cần bổ sung thêm vốn NST đối ứng)
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					1.863.500	1.663.500	244.000	-	244.000	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025					1.863.500	1.663.500	244.000	-	244.000	-	
	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc thuộc Khu kinh tế Định An	Duyên Hải	Đầu tư cơ sở hạ tầng	2020-2025		1.863.500	1.663.500	244.000		244.000		Dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ xin cơ chế sử dụng ngân sách để đầu tư phần GPMB và hạ tầng cơ sở để tạo điều kiện kêu gọi nhà đầu tư, nhưng hiện nay Trung ương không đồng ý nên đề xuất cải giảm chuyển sang các chương trình, dự án khác
4.4	Du lịch					8.876	8.876	8.000	7.000	1.000	-	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					8.876	8.876	8.000	7.000	1.000	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025					8.876	8.876	8.000	7.000	1.000	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú	
					Quyết định dự án đầu tư	TMDT	Trong đó: NST				Giảm	Tăng
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				Giảm	Tăng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Hạ tầng Làng Văn hóa Du lịch Khmer linh Trà Vinh	TPTV	Hạ tầng	2021-2023	395/QĐ-SKHDT 27/11/2020	8.876	8.876	8.000	7.000	1.000		Do tiết kiệm sau đấu thầu, cắt giảm quy mô một số hạng mục nên không khả năng giải ngân hết vốn được giao
4.5	Công nghệ thông tin					39.000	39.000	-	36.000	-	36.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					39.000	39.000	-	36.000	-	36.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025					39.000	39.000	-	36.000	-	36.000	
	Nâng cấp, chuyển đổi công nghệ hệ thống thông tin cơ sở (giai đoạn 1)	Trên địa bàn tỉnh	Phần cứng, phần mềm	2023-2025		39.000	39.000		36.000		36.000	Đầu tư thực hiện theo Kế hoạch 35/KH-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh
5)	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã					801	801	30.000	9.250	21.500	750	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					801	801	30.000	9.250	21.500	750	
	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025					801	801	30.000	9.250	21.500	750	
	Cửa hàng trung bày, giới thiệu, tiêu thụ nông sản sạch cho Tổ hợp tác và Hợp tác xã	TPTV	Khung kiến chế, xây dựng và TTB	2022-2024		801	801		750		750	Phục vụ trung bày, quảng bá, tiêu thụ nông sản sạch cho Tổ hợp tác và HTX
	Chưa phân bổ							30.000	8.500	21.500		

KV





TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú			
					Quyết định dự án đầu tư (tổng số các nguồn vốn)	TMDT	Trong đó: NST		Giảm	Tăng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Chỉ đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bao gồm công trình xã hội hóa (60%)					204.010	204.010	91.500	91.500	15.000	15.000	
	Các công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025					204.010	204.010	91.500	91.500	15.000	15.000	
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025					49.728	49.728	42.760	57.760	-	15.000	
	Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 33, huyện Cầu Kè	Cầu Kè	Cấp IV ĐB	2021-2023	3772/QĐ-UBND 26/11/2020	49.728	49.728	42.760	57.760		15.000	Do phát sinh chi phí BTGPMB và đơn giá mới làm tăng tổng mức đầu tư (Dự kiến tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh khoảng 64,8 tỷ đồng)
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng sau năm 2025					154.282	154.282	48.740	33.740	15.000	-	
	Xây dựng Đường huyện 6 kéo dài từ giáp Quốc lộ 60, xã Hiếu Từ đến giáp Đường tỉnh 912, xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	chiều dài khoảng 7,3 km, cấp IV ĐB và 06 cầu BTCT	2024-2027	2545/QĐ-UBND 08/11/2021	154.282	154.282	48.740	33.740	15.000		Đề xuất giám KHTH gđ 2021-2025 chuyển cho dự án Đường huyện 33, huyện Cầu Kè; do dự án có thời gian hoàn thành sau năm 2025
Mục III	NGUỒN VỐN XỐ SÓ KIẾN THIẾT					4.036.587	2.155.127	1.481.900	1.481.900	300.351	300.351	-
A	TỈNH QUẢN LÝ					4.014.587	2.133.127	1.361.900	1.342.900	300.351	281.351	
1)	Các công trình có quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành								30.000		30.000	Bổ sung để đảm bảo nguồn vốn thanh toán hoàn thành dự án, sau khi các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt QTHT
2)	Y tế					460.587	262.087	86.500	92.400	12.500	18.400	
(1)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025					290.087	222.587	69.000	67.400	5.000	3.400	

KV

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HIT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chi chú		
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT			Giảm	Tăng	
					Trong đó: NST							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực Tiểu Cần	Tiểu Cần	50 giường	2020-2024	2266/QĐ-UBND 30/10/2019	114.282	114.282	39.000	36.000	3.000		Hoàn thành và hết nhiệm vụ chi; để xuất cải giam KHTH chuyển sang các dự án khác
2	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Trà Vinh	Châu Thành	50 giường	2019-2022	2175/QĐ-UBND 31/10/2018	93.050	93.050	30.000	28.000	2.000		Hoàn thành và hết nhiệm vụ chi; để xuất cải giam KHTH chuyển sang các dự án khác
3	Cung cấp trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa khu vực Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Tiểu Cần	TTB	2010-2022	1578/QĐ-UBND 20/8/2010; 2372/QĐ-UBND 21/12/2015	82.755	15.255		3.400		3.400	Đổi ứng vốn ODA để thực hiện tiến nộp thuế GTGT và nộp thuế nhập khẩu mua sắm trang thiết bị theo Hiệp định ký kết
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					170.500	39.500	17.500	25.000	7.500	15.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025					170.500	39.500	17.500	25.000	7.500	15.000	
1	Đầu tư, cải tạo các Trạm Y tế xã còn lại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	toàn tỉnh	công trình cấp III	2022-2024	2673/QĐ-UBND 18/11/2021	11.500	11.500	17.500	10.000	7.500		Do dự án phê duyệt thực tế thấp hơn dự kiến chủ trương đầu tư nên để xuất chuyển phần vốn không khả năng sử dụng sang dự án khác
2	Đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải	thị xã Duyên Hải	công trình cấp III	2022-2024	988/QĐ-UBND 01/6/2022	159.000	28.000		15.000		15.000	Đổi ứng vốn NSTW (Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội)
3)	Giáo dục, Đào tạo và Dạy nghề					1.016.869	1.016.869	731.400	553.409	197.491	19.500	
(1)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025					304.416	304.416	133.300	130.309	8.491	5.500	
1	Trường Trung học phổ thông Hòa Minh	Châu Thành	cấp III	2020-2021	2267/QĐ-UBND 30/10/2019	14.956	14.956	4.250	4.230	20		Hoàn thành và hết nhiệm vụ chi; để xuất cải giam KHTH chuyển sang các dự án khác

KW

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chi chú		
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT			Giám	Tăng	
					Trong đó: NST							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Nguyên nhân điều chỉnh tăng, giảm vốn KHTH
2	Trường Trung học phổ thông Vũ Đình Liệu	Châu Thành	cấp III	2020-2021	2268/QĐ-UBND 30/10/2019	19.580	19.580	8.500	8.448	52		Hoàn thành và hết nhiệm vụ chi; để xuất cắt giảm KHTH chuyển sang các dự án khác
3	Trường Trung học phổ thông Cầu Quan	Tiểu Cần	cấp III	2020-2021	2269/QĐ-UBND 30/10/2019	14.925	14.925	5.550	5.530	20		Hoàn thành và hết nhiệm vụ chi; để xuất cắt giảm KHTH chuyển sang các dự án khác
4	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Tam Ngãi, huyện Cầu Kè	Cầu Kè	Cấp III	2019-2021	2271/QĐ-UBND 30/10/2019	10.318	10.318	2.000	1.900	100		Hoàn thành và hết nhiệm vụ chi; để xuất cắt giảm KHTH chuyển sang các dự án khác
5	Trường THPT Hồ Thị Nhâm	Càng Long	Cấp III	2019-2021	299/QĐ-SKHĐT 30/10/2019	8.804	8.804	2.000	1.920	80		Hoàn thành và hết nhiệm vụ chi; để xuất cắt giảm KHTH chuyển sang các dự án khác
6	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Đồn Châu, huyện Duyên Hải	Duyên Hải	cấp III	2020-2022	2322/QĐ-UBND 31/10/2019	13.550	13.550	3.000	2.950	50		Hoàn thành và hết nhiệm vụ chi; để xuất cắt giảm KHTH chuyển sang các dự án khác
7	Trường Trung học cơ sở Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	Cấp III	2020-2022	2273/QĐ-UBND 30/10/2019	41.000	41.000	28.000	29.500		1.500	Thanh toán khối lượng hoàn thành; phần vốn còn lại sau khi dự án phê duyệt quyết toán hoàn thành, sẽ bố trí bổ sung vốn QTHH hàng năm
8	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Cầu Ngang (Giai đoạn 4)	Cầu Ngang	Cấp III	2019-2021	2320/QĐ-UBND 30/10/2019	12.000	12.000	3.000	2.580	420		Hoàn thành và hết nhiệm vụ chi; để xuất cắt giảm KHTH chuyển sang các dự án khác
9	Cải tạo nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Duyên Hải (giai đoạn 4)	Duyên Hải	Cấp III	2019-2021	2318/QĐ-UBND 31/10/2019	11.000	11.000	3.000	2.480	520		Hoàn thành và hết nhiệm vụ chi; để xuất cắt giảm KHTH chuyển sang các dự án khác
10	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 5 tuổi trên địa bàn tỉnh	Tiểu Cần	cấp III	2020-2022	2278/QĐ-UBND 30/10/2019	14.900	14.900	9.000	8.800	200		Hoàn thành và hết nhiệm vụ chi; để xuất cắt giảm KHTH chuyển sang các dự án khác
	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn tỉnh											



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chi chú		
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST			Giảm	Tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Nâng cấp, mở rộng các Trường mầm non trên địa bàn huyện Càng Long (giai đoạn 2021-2025)	Càng Long	cấp III		3806/QĐ-UBND 30/11/2020	53.500	53.500	48.000	52.000		4.000	Bổ sung vốn thành toán giá trị dự án hoàn thành theo thực tế hợp đồng ký kết
3	Nâng cấp, mở rộng các Trường mầm non trên địa bàn huyện Cầu Ngang (giai đoạn 2021-2025)	Cầu Ngang	cấp III	2021-2023	3825/QĐ-UBND 01/12/2020	42.000	42.000	37.500	39.500		2.000	Bổ sung vốn thành toán giá trị dự án hoàn thành theo thực tế hợp đồng ký kết
4	Nâng cấp, mở rộng các Trường mầm non trên địa bàn huyện Duyên Hải (giai đoạn 2021-2025)	huyện Duyên Hải	cấp III	2021-2023	3832/QĐ-UBND 01/12/2020	23.000	23.000	20.000	19.500	500		Do tiết kiệm sau đấu thầu và dự án hoàn thành hết nhiệm vụ chi
5	Nâng cấp, mở rộng các Trường mầm non trên địa bàn huyện Tiểu Cần (giai đoạn 2021-2025)	huyện Tiểu Cần	cấp III	2021-2023	3781/QĐ-UBND 27/11/2020	35.453	35.453	31.600	33.600		2.000	Bổ sung vốn thành toán giá trị dự án hoàn thành theo thực tế hợp đồng ký kết
6	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Càng Long (giai đoạn 2021-2025)	Càng Long	cấp III	2021-2025	3807/QĐ-UBND 30/11/2020	77.000	77.000	69.000	71.000		2.000	Bổ sung vốn thành toán giá trị dự án hoàn thành theo thực tế hợp đồng ký kết
7	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Cầu Ngang (giai đoạn 2021-2025)	Cầu Ngang	cấp III	2021-2024	3826/QĐ-UBND 01/12/2020	50.000	50.000	45.000	47.000		2.000	Bổ sung vốn thành toán giá trị dự án hoàn thành theo thực tế hợp đồng ký kết
8	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Tiểu Cần (giai đoạn 2021-2025)	huyện Tiểu Cần	cấp III	2021-2023	3837/QĐ-UBND 01/12/2020	41.500	41.500	37.000	39.000		2.000	Bổ sung vốn thành toán giá trị dự án hoàn thành theo thực tế hợp đồng ký kết
b)	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng sau năm 2025					90.000	90.000	40.000	2.500	37.500		

13

KV

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chi chi		
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBĐT			Giảm	Tăng	
						Trong đó: NST						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Xây dựng mới Trường Mẫu giáo Hòa Mi, thành phố Trà Vinh	TPTV	cấp III	2024-2026	415/QĐ-UBND 26/02/2021	90.000	90.000	40.000	2.500	37.500		Tạm dừng kỹ thuật theo Thông báo số 855-TB/VPTU ngày 05/3/2022, chỉ thực hiện các chi phí tư vấn liên quan khoảng 2,5 tỷ đồng. Phần vốn còn lại 37,5 tỷ đồng chuyển sang dự án khác
4)	Các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP					2.537.131	854.171	174.000	367.091	20.360	213.451	
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					2.537.131	854.171	174.000	367.091	20.360	213.451	
	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025					468.910	117.910	64.000	84.140	20.360	40.590	
1	Đường kết nối Hương Lộ 37 đến Quốc lộ 60 cũ, xã Nhị Long, huyện Càng Long	Càng Long	cấp IV đồng bằng	2021-2023	3808/QĐ-UBND 30/11/2020	20.000	20.000	17.000	18.500		1.500	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng dự án hoàn thành. Sau khi dự án hoàn thành nếu có nhu cầu bổ sung vốn sẽ bố trí bổ sung vốn quyết toán hoàn thành hàng năm
2	Đường giao thông liên xã Hòa Tân - An Phú Tân, huyện Cầu Kè	Cầu Kè	Đường GTNT	2021-2023	3812/QĐ-UBND 30/11/2020	13.000	13.000	11.000	9.500	1.500		Do cắt giảm chi phí hỗ trợ BT GPMB; khả năng dự án hoàn thành không giải ngân hết vốn
3	Đường DM thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành	Châu Thành	Đường đô thị	2021-2023	3829/QĐ-UBND 01/12/2020	23.910	23.910	17.000	22.000		5.000	Do thay đổi chính sách, đơn giá BT GPMB; vướng mặt bằng thi công phải thực hiện chính hướng tuyến làm tăng tổng mức đầu tư duyệt duyệt; đề xuất bổ sung vốn đảm bảo hoàn thành dự án

KW

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú		
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT Trong đó: NST			Giảm	Tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Đường D10 thành phố Trà Vinh	TPTV	Đường đô thị	2021-2024	4075/QĐ-UBND 29/12/2020	120.000	12.000		14.000		14.000	Đổi ứng vốn NSTW (KHTH dự án được bố trí vốn NSTW là 108 tỷ đồng nhưng do phát sinh chi phí BTGPMB và đơn giá mới làm tăng tổng mức đầu tư (tổng mức đầu tư sau điều chỉnh 134 tỷ đồng); để xuất điều chỉnh bổ sung vốn nội bộ đơn vị chuyển sang để đảm bảo triển khai đồng bộ dự án và có hiệu quả
5	Tuyến trung tâm chính trị hành chính tỉnh Trà Vinh	TPTV	Đường đô thị	2021-2024	4076/QĐ-UBND 29/12/2020	270.000	27.000		20.000		20.000	Đổi ứng vốn NSTW (KHTH dự án được bố trí vốn NSTW là 243 tỷ đồng nhưng do phát sinh chi phí BTGPMB và đơn giá mới làm tăng tổng mức đầu tư (tổng mức đầu tư sau điều chỉnh 277,7 tỷ đồng); để xuất điều chỉnh bổ sung vốn nội bộ đơn vị chuyển sang để đảm bảo triển khai đồng bộ dự án và có hiệu quả
6	Đường Nguyễn Hòa Lương nối dài, thành phố Trà Vinh	TPTV	Đường đô thị	2021-2023	3846/QĐ-UBND 01/12/2020	22.000	22.000	19.000	140	18.860		Vướng BT GPMB dừng thực hiện; để xuất chuyển số vốn KHTH còn lại sang các dự án khác
b)	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng sau năm 2025					2.068.221	736.261	110.000	282.951	-	172.951	
1	Hạ tầng Hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Lang Thè đảm bảo an ninh nguồn nước các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (giai đoạn 1)	Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh	Chiều dài kế 02 bên khoảng 6,8km và các hạng mục HTKT	2024-2027	556/QĐ-UBND 16/3/2022	1.214.921	607.461	110.000	212.951		102.951	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau điều chỉnh	Chi chủ		
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT Trong đó: NST			Giảm	Tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Dự án phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh	trên địa bàn tỉnh		2022-2026	2825/QĐ-UBND 03/12/2021	853.300	128.800	70.000	70.000		70.000	
5)	Dự phòng							370.000	300.000	70.000		
B	PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ					22.000	22.000	120.000	139.000	-	19.000	
	HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO UBND CẤP HUYỆN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ ĐÓ THỊ					22.000	22.000	120.000	139.000	-	19.000	
	Thành phố Trà Vinh							120.000	139.000		19.000	Hỗ trợ bổ sung thêm giai đoạn 2021 - 2025 đầu tư các công trình bức xúc theo Thông báo số 888-TB/VPTU ngày 25/3/2022 của Văn phòng Tỉnh ủy
Mục IV	NGUỒN VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021 (Vốn ngân sách huyện Cầu Ngang nộp trả về ngân sách tỉnh dự án Cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây)					19.250	19.250	19.250	19.250	19.250	19.250	
	TỈNH QUẢN LÝ					19.250	19.250	19.250	19.250	19.250	19.250	
	Hỗ trợ thực hiện các Chính sách ưu đãi, đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh					-	-	19.250	-	19.250	-	
	Chưa phân bổ							19.250	-	19.250		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					19.250	19.250	-	19.250	-	19.250	
	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025					19.250	19.250	-	19.250	-	19.250	

KW



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú		
					Quyết định dự án đầu tư	TMDT	Trong đó: NST			Giám	Tăng	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Đường dẫn vào Nhà máy xử lý rác tỉnh Trà Vinh	Châu Thành	Đường cấp IV, dài khoảng 03km	2022-2024		19.250	19.250		19.250		19.250	Hiện nay đang tổ chức lựa Nhà đầu tư thực hiện Nhà máy xử lý rác tỉnh Trà Vinh; tình đầu tư đường vào Khu xử lý

KW

12